

CHUYÊN MỤC

VĂN HỌC - NGÔN NGỮ HỌC - NGHIÊN CỨU VĂN HÓA - NGHỆ THUẬT

GIÁO SƯ NGUYỄN ĐỒNG CHI VỚI NHỮNG THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HỌC CỔ ĐIỂN VIỆT NAM

NGUYỄN CÔNG LÝ*

Giáo sư Nguyễn Đồng Chi (6/1/1915 - 20/7/1984) là một nhà nghiên cứu uyên bác về văn học cổ điển và văn hóa dân gian Việt Nam. Bài viết này điểm lại những thành tựu nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam của ông qua hai công trình Việt Nam cổ văn học sử (1942) và Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam (đồng tác giả, 1957-1960), trên cơ sở đó, nhận xét về cách tiếp cận, phương pháp viết văn học sử và chỉ ra những đóng góp của ông khi nghiên cứu về văn học thời kỳ này.

Từ khóa: Nguyễn Đồng Chi, nhà nghiên cứu đa năng, văn học cổ điển Việt Nam

Nhận bài ngày: 24/4/2017; *đưa vào biên tập:* 26/4/2017; *phản biện:* 28/4/2017; *duyet đăng:* 15/5/2017

1. GIỚI THIỆU

Giáo sư Nguyễn Đồng Chi (1915-1984) là một tác giả đa năng và đa tài. Ông vừa là nhà văn vừa là nhà nghiên cứu uyên thâm. Khẳng định như thế là bởi sáng tác và nghiên cứu là hai lĩnh vực khác nhau với hai kiểu/hình thức tư duy khác nhau, một đằng thiên về cảm xúc, trực cảm với tưởng tượng hư cấu; một đằng lại thiên về luận lý

với logic chặt chẽ, vậy mà ở ông, hai kiểu/hình thức tư duy này lại hòa trộn vào nhau như nước với sữa, khó có thể tách rời, đây là một hiện tượng hiếm thấy.

Ở lĩnh vực sáng tác, ít ra ông cũng đã cho xuất bản 3 truyện ký: *Yêu đời* (1935, giải thưởng), *Túp lều nát* (1937), *Gặp lại một người bạn nhỏ* (1949). Đây là những truyện ký giàu giá trị hiện thực và nhân văn, mà theo tôi mọi người nên đọc và đáng đọc để hiểu thêm về xã hội nước ta, bộ mặt và bản chất của giai cấp thống

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn. Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

trị, cũng như những thân phận con người bé nhỏ bị áp bức thời kỳ trước Cách mạng tháng Tám; hay những tháng ngày Hà Nội tổ chức kháng chiến chống Pháp đầy đau thương mà hào hùng, anh dũng.

Ở lĩnh vực nghiên cứu, có thể nói ông là nhà nghiên cứu đa năng với những công trình có giá trị ở nhiều lĩnh vực khác nhau: văn hóa và văn học dân gian Việt Nam, văn học cổ điển Việt Nam, lịch sử Việt Nam, Hán Nôm, cùng khoảng một trăm bài nghiên cứu đã công bố trên các tạp chí chuyên ngành có uy tín. Lúc Viện Nghiên cứu Hán Nôm mới thành lập, ông từng là Quyền Viện trưởng từ 1977 đến 1982.

Thông qua hai công trình: *Việt Nam cổ văn học sử* (1942) và *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* (đồng tác giả, 5 quyển, 1957-1960), bài viết tập trung đi sâu vào những thành tựu nghiên cứu của ông về văn học cổ điển/trung đại Việt Nam, từ đó chỉ ra cách tiếp cận, phương pháp viết văn học sử và những đóng góp của ông khi nghiên cứu về văn học thời kỳ này cho nền học thuật nước nhà.

2. THÀNH TỰU NGHIÊN CỨU VỀ VĂN HỌC CỔ ĐIỂN VIỆT NAM

Lần theo lý lịch khoa học của giáo sư Nguyễn Đồng Chi, người đọc mới biết rằng con đường đến với khoa học của ông chủ yếu là do tự học, tự nghiên cứu, bởi giáo sư không có cái may mắn như một số học giả tên tuổi ở lớp trước hay cùng thế hệ như Dương Quảng Hàm, Hoàng Ngọc Phách,

Đặng Thai Mai, Cao Xuân Huy, Phạm Thiều, Ca Văn Thỉnh,... là những người được nhà trường Pháp - Việt đào tạo chính quy, có hệ thống, đạt đến học vị cao nhất ở Đông Dương lúc bấy giờ là tốt nghiệp Cao đẳng Sư phạm Đông Dương. Trường hợp Nguyễn Đồng Chi có khác. Ông tự học, tự nghiên cứu là chính. Tự học là cách tốt nhất để hoàn thiện kiến văn, tri thức, mà nếu không có ý chí và kiên trì thì khó lòng đạt được. Ông chỉ mới học xong chương trình trung học tại trường Quốc học Vinh, lấy bằng Thành chung, tức tương đương trung học đệ nhất cấp như cách gọi trước đây ở miền Nam, hay trung học cơ sở như cách gọi hiện nay. Thế nhưng những thành quả nghiên cứu ở nhiều lĩnh vực khác nhau mà giáo sư đã để lại cho đời thật sự là những dấu ấn đáng kính phục và nể trọng. Người đọc sẽ kính trọng và kinh ngạc hơn khi được biết những công trình mang dấu mốc ấy được giáo sư biên soạn lúc khoảng 20 tuổi và khi xuất bản thì chỉ mới ngoài 20. Chẳng hạn như: *Mọi Kon-tum* (1937, đây là công trình điều tra văn hóa - dân tộc học mà hôm nay gọi là nhân học văn hóa, đồng tác giả với người anh ruột là bác sĩ Nguyễn Kinh Chi); hay công trình *Việt Nam cổ văn học sử* (viết riêng, 1942)... Kết quả nghiên cứu trong hai công trình này đến nay sau hơn 70 năm vẫn còn giá trị, không bị lạc hậu, được các nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đánh giá cao.

Khi xưa, đức Khổng Tử, bậc Vạn thế sư biểu đã từng nói với các học trò

rằng “Ngô thập hữu ngũ chí vu học, tam thập nhi lập, tứ thập nhi bất hoặc...” (Ta 15 tuổi để hết tâm trí vào việc học, 30 tuổi thì kiến thức vững vàng, 40 tuổi thì không còn nghi ngờ điều gì nữa...), thì với giáo sư Nguyễn Đồng Chi nhờ thuở thiếu thời đã để hết tâm trí vào việc học nên mới ngoài 20 tuổi đã chiếm lĩnh được những kiến thức vững vàng, như hai công trình trên.

Về sau, giáo sư còn cho xuất bản trên hai chục công trình khác, trong đó có công trình sưu tầm biên soạn đồ sộ: *Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam*, 5 tập, 1957-1982, được tái bản nhiều lần, hay công trình *Hát giặm Nghệ - Tĩnh* (1943), viết lại thành 3 tập công bố 1961-1963 và *Địa chí văn hóa dân gian Nghệ - Tĩnh* (chủ biên), viết xong 1982-1983, xuất bản 1995.

Được biết, ngoài học chữ Quốc ngữ và tiếng Pháp tại trường Pháp - Việt, thì lúc tuổi thanh niên, trong thời gian về lại quê nhà để tránh sự theo dõi của chính quyền thực dân, giáo sư Nguyễn Đồng Chi còn học chữ Hán, chữ Nôm với người chú họ là nhà nho Nguyễn Lợi. Chính công trình *Việt Nam cổ văn học sử* là kết quả của mấy năm ẩn cư vừa học chữ Hán, vừa tự nghiên cứu này.

2.1. Công trình *Việt Nam cổ văn học sử* (1942)

Có thể nói đây là công trình văn học sử đầu tiên ở Việt Nam⁽¹⁾, nghiên cứu có hệ thống lịch sử văn học Việt Nam trong 5 thế kỷ đầu thời phong kiến độc lập tự chủ (từ thế kỷ X đến mấy năm

đầu thế kỷ XV), khẳng định bản sắc nền văn hóa Việt Nam so sánh với nền văn hóa Trung Hoa.

Công trình này đã được Nhà xuất bản Hàn Thuyên in lần đầu năm 1942, được nhà thư tịch học ở Trường Viễn Đông Bác Cổ Hà Nội là Thúc Ngọc Trần Văn Giáp (1902-1973) viết lời tựa và Đình nguyên Hoàng giáp Minh Viên Huỳnh Thúc Kháng (1876-1947) viết lời bạt. Sau khi công trình được xuất bản, hai học giả Nguyễn Văn Tố (1889-1947), Đặng Thai Mai (1902-1984) có bài giới thiệu ngợi khen và bày tỏ thiện cảm với tác giả. Như vậy, ngay lúc bấy giờ công trình đã gây được sự chú ý của các nhà nghiên cứu chuyên sâu. Bộ văn học sử này gồm 3 quyển, nhưng từ trước đến nay chỉ công bố quyển I, còn quyển II với nội dung chép lại văn bản thơ văn Việt Nam trong 5 thế kỷ đầu của thời kỳ phong kiến độc lập tự chủ và quyển III nghiên cứu về các tác giả văn học tiêu biểu của các triều đại Lý, Trần, Hồ⁽²⁾, cả 2 quyển này chưa được xuất bản, hiện một trong hai bản thảo vẫn còn được lưu giữ tại Viện Sử học, như giáo sư Nguyễn Huệ Chi mới đây đã cho biết.

Công trình *Việt Nam cổ văn học sử*, theo bản in của Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn tái bản năm 1970, có dung lượng 450 trang khổ 14x20cm, gồm 11 chương. Năm chương đầu (tr. 33-64) khảo về các vấn đề có tính căn cơ, như: gốc gác người Việt Nam; cội rễ tiếng Nam; chữ viết đời thượng cổ; tư tưởng học

thuật nước Tàu buổi quá khứ; triết lý tôn giáo Ấn Độ buổi quá khứ. Hai chương tiếp theo VI và VII (từ trang 65 đến trang 95) giới thiệu văn học Việt Nam trước khi nước nhà giành được độc lập qua các tiêu đề: từ đời cổ đến Sĩ Nhiếp; Từ Sĩ Nhiếp đến Ngô Quyền, mà ở cuối sách, mục Tóm tắt, tác giả gọi đó là “thời kỳ từ đời phát đoan đến đầu thế kỷ thứ X” (tr. 436). Theo tôi nghĩ, thời kỳ này có thể xem là tiền đề của văn học viết Việt Nam để tạo đà cho văn học nước nhà phát triển sau khi Ngô Quyền giành được độc lập tự chủ vào cuối năm 938. Trọng tâm của công trình (tr. 96-440) gồm bốn chương: chương VIII viết về văn học đời Ngô, Đinh, Lê (930-1009); chương IX viết về văn học đời Lý (1010-1225); chương X viết về văn học đời Trần (1225-1380); chương XI viết về văn học đời Hồ (cầm quyền 1380-1399, làm vua 1400-1407); cuối công trình là Tóm tắt; Lời bạt; Sách báo dùng để kê cứu, từ trang 441 đến trang 450.

2.2. Công trình *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* (1957-1960)

Công trình này gồm 5 quyển, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957-1960, do Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi, Vũ Ngọc Phan, Hoài Thanh biên soạn. Trong đó, Văn Tân và Nguyễn Đồng Chi đều có tên ở cả 5 quyển, còn Nguyễn Hồng Phong tham gia 4 quyển (I, II, III, V); Vũ Ngọc Phan tham gia 2 quyển (I và V); và Hoài Thanh chỉ tham gia quyển IV. Điều đó có nghĩa Văn Tân

và Nguyễn Đồng Chi là hai tác giả chủ chốt của bộ lịch sử văn học đầu tiên của nước nhà, được viết theo quan điểm Mác-xít, sau ngày hòa bình lập lại trên miền Bắc. Mặc dù công trình không ghi tên chủ biên nhưng trong học giới ai ai cũng biết bộ sách này do Văn Tân chủ xướng và chịu trách nhiệm chính với Ban Văn Sử Địa (cơ quan tiền thân của Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam hiện nay).

Về mặt định lượng, tôi đã làm một thống kê như sau:

Năm quyển của bộ sách có dung lượng 1.380 trang in khổ lớn, trừ 36 trang phụ (gồm bìa ruột, Mục lục, Tài liệu tham khảo, Đính chính), thì còn 1.344 trang viết về lịch sử văn học Việt Nam từ văn học dân gian truyền miệng đến văn học viết từ thế kỷ thứ X đến nửa đầu thế kỷ XIX (Cụ thể như sau: Q.I Ngữ ngôn văn tự và Văn học truyền miệng; Q.II Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII; Q.III Thế kỷ XVIII; Q.IV Thế kỷ XVIII; Q.V Nửa đầu thế kỷ XIX). Trong 1.344 trang in đó, Văn Tân viết 474 trang, tỷ lệ 35,26%; Nguyễn Đồng Chi viết 373 trang, tỷ lệ 26,21%; Nguyễn Hồng Phong viết 232 trang, tỷ lệ 17,26%; Vũ Ngọc Phan viết 170 trang, tỷ lệ 12,64%; Hoài Thanh viết 95 trang, tỷ lệ 07,06%.

Sau đây là bảng thống kê kết quả cụ thể của từng tác giả viết trong từng quyển (xem trang sau).

Việc giáo sư Nguyễn Đồng Chi được tham gia biên soạn cả 5 quyển với dung lượng 373 trang, chiếm 27,75%

Quyển/số trang	Văn Tân	Nguyễn Hồng Phong	Nguyễn Đồng Chi	Vũ Ngọc Phan	Hoài Thanh
Q.I/294 tr	32	58	40	145	00
Q.II/323 tr	100	98	113	00	00
Q.III/300 tr	111	55	128	00	00
Q.IV/292 tr	154	00	43	00	95
Q.V/171 tr	77	21	49	25	00
Cộng: 1344 tr/1380 tr. Còn lại 36 tr: Bìa, Mục lục, Tài liệu tham khảo	474 tr 35,26%	232 tr 17,26%	373 tr 27,75%	170 tr 12,64%	95 tr 07,06%

của công trình đã chứng tỏ uy tín học thuật và vai trò nòng cốt của ông trong Ban Văn Sử Địa nói chung, trong nhóm tác giả của bộ sách nói riêng.

Sau đây là các mục mà giáo sư Nguyễn Đồng Chi đã viết trong công trình này:

Q.I, Phần thứ hai. Văn học truyền miệng. I. Truyện truyền miệng. 1. Truyện truyền miệng là gì? 2. Các nhà ghi chép truyện truyền miệng. 3. Truyện thần thoại và truyền thuyết. 4. Truyện cổ tích Việt Nam. 5. Truyện ngụ ngôn Việt Nam. (tr. 77-116).

Q.II, Phần thứ ba. Thời kỳ từ thế kỷ XV trở về trước. IV. Nói chung về tình trạng văn học chữ Hán (tr. 28-34). V. Văn học chữ Hán: A. Loại sử và truyện: sử ký, truyện cổ, thơ văn ca tụng thiên nhiên và nhân tản: a. Khuynh hướng tiêu cực thoát ly, b. Khuynh hướng lạc quan yêu đời. B. Loại Thơ văn: thơ văn tiêu biểu tinh thần kháng chiến chống xâm lăng và ý chí hòa bình; thơ văn cảm khái thời thế (tr. 34-88).

Phần thứ tư. Thời kỳ từ thế kỷ XV đến hết thế kỷ XVII. B. Loại ca công tụng đức phong kiến. C. Loại văn học ca tụng thiên nhiên nhân tản. a. Khuynh hướng tiêu cực bất mãn. b. Khuynh hướng lạc quan thỏa mãn. D. Loại truyện (tr. 119-169).

Q.III, Phần thứ năm. Thế kỷ XVIII. II. Văn học dân gian. Về và truyện anh hùng của nhân dân: *Chàng Lía, Bà Thiều Phở, Quận He, Hầu Tạo, Vua Heo, Nam Cường, Cổ Bu* (tr. 165-170). III. Văn học chữ Hán. I. Nhận xét chung. A. Tiểu thuyết ký sự và tùy bút: *Truyện kỳ tân phả, Lê Hữu Trác và Thượng kinh ký sự, Hoàng Lê nhất thống chí, Vũ trung tùy bút, Sự phát triển của sách truyện kỳ*. B. Thơ phú và tạp văn: các nhà thơ trước thời kỳ khởi nghĩa Tây Sơn. Các nhà thơ ở cuối thế kỷ XVIII: khuynh hướng phê phán hiện thực; khuynh hướng lạc quan; khuynh hướng bảo thủ bi quan (tr. 175-296).

Q.IV, Phần thứ năm (tiếp theo). Các tác gia của thế kỷ XVIII. II. Thơ văn

trong phong trào nông dân khởi nghĩa (tr. 12-29). VI. Mạc Thiên Tích và Hà Tiên thập cảnh (tr. 76-82). XI. Nguyễn Hữu Chỉnh, Hoàng Quang, Phạm Thái. 1. Cuộc đời và văn chương của Nguyễn Hữu Chỉnh (tr. 171-178). XII. Đặng Trần Thường (tr. 201-210).

Q.V, Phần thứ sáu. Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. Các tác phẩm và tác gia. IX. Văn học chữ Hán: nhận xét chung về văn học chữ Hán trong thời kỳ này, Hà Tôn Quyền, Cao Bá Quát, Đinh Nhật Thận, Nguyễn Hàm Ninh, Nguyễn Văn Siêu (tr. 119-167).

Bên cạnh hai công trình nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam nêu trên, Nguyễn Đồng Chi còn có chuyên khảo *Nguyễn Trãi, nhà văn học và chính trị thiên tài* viết cùng Mai Hanh và Lê Trọng Khánh, Nhà xuất bản Văn Sử Địa, Hà Nội, 1957. Trong công trình của Viện Văn học nhân dịp 600 năm Nguyễn Trãi (1980): *Nguyễn Trãi, khí phách và tinh hoa của dân tộc*, ông được giao viết chương V: *Chủ nghĩa anh hùng của Nguyễn Trãi, ngọn cờ chiến lược tập hợp quần chúng cứu nước và dựng nước* (tr. 85-138), chiếm dung lượng 54/370 trang của toàn công trình với sự tham gia của 14 tác giả. Trong công trình khác cũng của tập thể Viện Văn học (1982): *Văn học Việt Nam trên những chặng đường chống phong kiến Trung Quốc xâm lược*, ông viết mục I. *Mấy nét thơ ca sử trình đời Nguyễn* (11 trang), trong chương XII *Văn học bang giao nửa đầu thế kỷ XIX*.

Thống kê như trên để khẳng định một điều là, bên cạnh những thành tựu sưu tầm và nghiên cứu về văn học dân gian truyền miệng đã được nhiều thế hệ đánh giá rất cao, thì những thành tựu nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam của ông cũng không phải là nhỏ. Riêng trong bộ *Sơ thảo*, ông được phân công tham gia viết nhiều giai đoạn văn học. Điều này chứng tỏ ông là một học giả uyên bác, am tường chuyên sâu nhiều lĩnh vực với vốn tri thức văn hóa trải rộng qua các giai đoạn lịch sử văn học: từ thế kỷ X cho đến nửa đầu thế kỷ XIX. Một điều khá hiếm thấy trong học giới ở nước ta hiện nay.

2.3. Cách tiếp cận tư liệu và phương pháp viết văn học sử

Qua hai công trình nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam có thể thấy giáo sư Nguyễn Đồng Chi đã áp dụng cách tiếp cận hệ thống, dùng phương pháp nghiên cứu lịch sử dựa vào văn bản thư tịch gốc.

Ông quan niệm văn học là một dòng chảy liên tục, không thể gián đoạn, dù dòng chảy ấy có lúc chậm, lúc nhanh, có khi chảy xiết. Chính vì thế, khi phân kỳ văn học, ông chia văn học nước ta từ khởi thủy đến nhà Hồ (đầu thế kỷ XV) làm hai thời kỳ: “Thời kỳ từ đời phát đoạn đến đầu thế kỷ thứ X” (1970: 436) và “Thời kỳ từ đầu tự chủ cho đến đầu thế kỷ XV” (1970: 437).

Ở thời kỳ thứ nhất, ông đã xem văn học thời kỳ này chính là tiền đề để văn học từ thế kỷ thứ X về sau kế thừa và phát triển với những thành tựu nổi bật

ở thời Lý - Trần. Đây là một suy nghĩ táo bạo, một phát kiến có tính đột phá, mà cho đến lúc bấy giờ (1942), chưa có nhà nghiên cứu nào nêu ra. Dù những gì ông suy nghĩ ở đây chỉ là những phác thảo ban đầu, nhưng tất cả đều có cơ sở khoa học và hợp lý, khó có thể chối cãi. Vì thế mà sau này, các nhà nghiên cứu như Trần Nghĩa, Lê Mạnh Thát, Nguyễn Đăng Na và cả bản thân người viết bài này cũng đồng tình, kế thừa và phát triển thêm những gì mà giáo sư Nguyễn Đồng Chi đã gợi ý từ năm 1942. Riêng học giả Lê Mạnh Thát đã đi theo một hướng khác, thiên về nghiên cứu lịch sử, tư tưởng và giới thiệu văn bản hơn là nghiên cứu văn học.

Ở thời kỳ thứ hai, văn học trong 5 thế kỷ (đầu thế kỷ X đến đầu thế kỷ XV), dưới các triều đại: Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần, Hồ, được viết thành 4 chương với những giới thiệu cụ thể, rạch ròi, theo tiến trình lịch sử và theo từng thể loại văn học, trên cơ sở quan niệm văn - sử - triết bất phân của thời trung đại.

2.4. Những đóng góp về văn học cổ điển Việt Nam

Qua hai công trình văn học sử vừa nêu, có thể thấy giáo sư Nguyễn Đồng Chi có những đóng góp mang tính tiên phong hay đột phá.

Một là, ông là người đầu tiên nghiên cứu về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X, tức văn học trước khi nước nhà giành lại được độc lập tự chủ, dù những gì ông nêu ra mới chỉ là những nét phác thảo. Ở đây, giáo sư đã gọi

văn học thời kỳ này là “từ đời phát đoan đến đầu thế kỷ thứ X” (1970: 436). Gọi là “phát đoan” tức phải tìm về ngọn nguồn sản sinh, và giáo sư đã chỉ ra những cái mốc hình thành gắn liền với các nhân vật tên tuổi trong lịch sử: Lý Tiến đời Hán, Sĩ Nhiếp đời Tam Quốc, Khương Công Phụ đời Đường. Theo tôi, những cái mốc này hoàn toàn phù hợp và rất chính xác với diễn trình văn học nước ta trước thế kỷ thứ X. Ở mốc thứ nhất, theo tác giả, “nhờ bài sớ của Lý Tiến và cuộc biểu tình nhỏ của Lý Cầm ở giữa sân rồng Tàu ngày Tết, nên được vua Hán Hiến Đế (190-220) xuống chiếu thuận cho” (1970: 74-75). Nhờ thế mà người Việt lúc bấy giờ được xếp ngang hàng với người Trung Quốc trong lĩnh vực văn hóa và xã hội. Mốc thứ hai là việc Sĩ Nhiếp “đã đem lại cho kho văn học được khá nhiều dần vốn” (1970: 76). Còn mốc thứ ba với Khương Công Phụ đã mở ra trào lưu du học cho người Việt đi thi và làm quan trên đất Trung Hoa. Ở đây, Nguyễn Đồng Chi đã chọn lọc để liệt kê một số tác giả và tác phẩm trước thế kỷ thứ X: Bài *Chiếu* của Triệu Vũ Đế; bài *Hịch* của Lữ Gia; bài *Sớ* của Lý Tiến; bài *Phú* của Khương Công Phụ; *Thơ* của Phùng Đái Tri (thơ của ông đã được vua Đường Cao Tổ (618-626) hạ lời khen); thơ của một số danh tăng như sư Đại Thừa Đăng..., và thơ văn xướng họa của các nhà thơ đời Đường với các nhà sư Việt Nam (mà hiện chỉ còn thơ của các nhà thơ đời Đường như Đạo Hy, Dương Cự Nguyên, Giả Đảo,

Trương Tích đáp tặng các nhà sư Việt Nam...)⁽³⁾.

Hai là, ông là người đầu tiên nghiên cứu và công bố về văn học viết nước nhà sau khi giành độc lập, từ thế kỷ X qua các triều đại Ngô, Đinh, Lê, qua thơ và từ khúc của Khuông Việt và Đỗ Pháp Thuận. Bởi những công trình xuất bản sau đó như công trình *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm (1943) chỉ giới thiệu văn học Việt Nam từ đời Lý trở đi tức từ thế kỷ XI trở về sau; còn công trình *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* (1957-1958) của nhóm Lê Quý Đôn thì chỉ nghiên cứu bắt đầu từ văn học chữ Nôm đời Trần, tức từ thế kỷ XIII trở về sau.

Ba là, trong *Việt Nam cổ văn học sử*, ông khẳng định *gia phả* là cứ liệu chính xác để bổ sung tư liệu cho sử học và văn học sử. Ông viết: “Năm 1026 vua Thái Tổ sai soạn sách *Ngọc điệp* tức là gia phả của nhà vua. Các dòng họ trong dân gian cũng đã bắt đầu có ít nhiều nhà làm phổ ghi chép thân thế của tổ tiên. Công việc ấy hữu ích cho đời sau có thể khảo cứu về lịch sử, địa dư và văn học. Sử học chính khởi điểm từ đó” (tr. 146). Theo tôi, đây là một nhận định chính xác và khá thuyết phục mà trước ông chưa có nhà nghiên cứu nào đề xuất.

Bốn là, trong *Việt Nam cổ văn học sử*, ông là người đầu tiên đưa văn học chữ Hán của người Việt vào văn học sử nước nhà và nghiên cứu văn học sử theo *thể loại*, loại hình, kiểu tác

gia... Nhiều năm sau, nhóm Lê Quý Đôn gồm các nhà nghiên cứu Lê Thuớc, Hoàng Ngọc Phách, Vũ Đình Liên, Đỗ Đức Hiểu, Huỳnh Lý, Lê Trí Viễn... trong công trình *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam* (3 quyển, Nhà xuất bản Xây dựng, Hà Nội, 1957-1958) lại chủ trương loại bỏ văn học chữ Hán của các tác giả người Việt ra khỏi văn học Việt Nam. Quan điểm này đã được giáo sư Phạm Văn Diêu ở Đại học Sư phạm Sài Gòn và Đại học Văn khoa Sài Gòn kế thừa trong một số công trình xuất bản trong hai năm 1959-1960. Cũng xin được nhấn mạnh là quan điểm này lúc bấy giờ (1958-1960) đã gây nên cuộc tranh luận sôi nổi trong học giới ở miền Bắc, và cuối cùng nhóm nghiên cứu Lê Quý Đôn đã nhận ra quan điểm sai lầm của mình.

Năm là, ông cũng là người đầu tiên khảo cứu về văn học của người Việt ở nước ngoài, cụ thể là thơ văn của một số quan lại nhà Trần đầu hàng Trung Quốc, từ bỏ quê hương để sống lưu vong nơi đất khách quê người. Có lẽ ông đã coi bộ phận thơ văn này vẫn nằm trong cấu trúc tổng thể của văn học Việt Nam. Những nghiên cứu và nhận định của giáo sư Nguyễn Đồng Chi về bộ phận thơ văn này dựa trên tinh thần khách quan và bằng một phương pháp khoa học nhất quán, mà ông gọi đó là “văn chương phái ở ngoại quốc” với các tác giả: Trần Ích Tắc, Chương Hiến hầu Trần Kiện, Trần Tá Viên, Lại Ích Quy, Lê Tắc (1970: 343-357).

Sáu là, những mục ông viết trong công trình *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* về phần văn học cổ điển đã đem lại cho người đọc nhiều tri thức bổ ích, nếu so với một vài công trình văn học sử trước đó. Chẳng hạn, nhờ những nghiên cứu của Nguyễn Đồng Chi mà lần đầu tiên bạn đọc mới thật sự tiếp xúc với cái hay, cái đẹp của ngôn ngữ Hán Việt qua những tập thơ chữ Hán đặc sắc của thế kỷ XV như *Ức Trai thi tập* của Nguyễn Trãi, *Chuyết Am tập* của Lý Tử Tấn, *Lã Đường di thảo* của Thái Thuận, *Cưu Đài tập* của Nguyễn Húc, *Châu Khê tập* của Nguyễn Bảo... Người đọc còn tìm thấy nụ cười lạc quan của Ninh Tồn, tâm sự u hoài của Trần Danh Án, thái độ hãnh tiến của Đặng Trần Thường, hay “tiếng nói trữ tình đầy bi phần” của Cao Bá Quát, hoặc tinh thần “khoa ngọn đuốc vào chốn tối tăm oan khốc trong lũy tre xanh” của Nguyễn Hàm Ninh... Cho đến những nét đặc sắc về nội dung và nghệ thuật trong những tập truyện ký và truyện truyền kỳ của các triều đại khác nhau, như *Thánh Tông di thảo* của Lê Thánh Tông, *Truyện kỳ mạn lục* của Nguyễn Dữ, *Truyện kỳ tân phả* của Đoàn Thị Điểm, *Công dư tiếp ký* của Vũ Phương Đề, *Lan Trì kiến văn lục* của Vũ Trinh, *Sơn cư tạp thuật* của Đan Sơn,... những truyện ký mà lúc bấy giờ chưa được dịch và giới thiệu đầy đủ. Trong công trình văn học sử này, các trang viết về tác gia, tác phẩm và những nhận xét, nhận định của Nguyễn Đồng Chi bao giờ cũng súc tích, gọn gàng, kiệm lời, làm nổi bật

cái mới, cái thú vị của các tác phẩm. Bút lực này không phải nhà nghiên cứu văn học sử hay nhà phê bình nào cũng có thể có được. Theo tôi, những nhận định đó vừa mang tính dẫn đường, mà ông là người tiên phong, vừa là những đóng góp của giáo sư Nguyễn Đồng Chi trong nghiên cứu văn học cổ điển Việt Nam.

3. VÀI ĐIỀU TRAO ĐỔI THÊM VỀ HAI CÔNG TRÌNH

Bên cạnh những đóng góp, những giá trị học thuật của hai công trình văn học sử vừa điểm qua, nếu đọc và suy ngẫm kỹ, không phải là trong hai công trình trên không có chỗ cần trao đổi lại. Ở đây, tôi xin được mạnh dạn nêu ra vài chỗ.

Một là, trong *Việt Nam cổ văn học sử*, khi trích tư liệu dẫn chứng, tác giả trích nguyên tác chữ Hán rồi dịch nghĩa, chứ không phiên âm nguyên tác. Việc trích thơ văn dẫn chứng từ nguyên tác chữ Hán là việc làm khoa học, rất đáng hoan nghênh, nhưng việc không phiên âm chữ Hán sang chữ Quốc ngữ, thiết nghĩ sẽ gây nhiều khó khăn cho người đọc lúc bấy giờ và cả hôm nay, nếu những người đọc này không thông thạo chữ Hán cổ, thành ra, họ chỉ tiếp nhận thông tin từ bản dịch nghĩa, do vậy ít nhiều sẽ hạn chế trong việc cảm thụ văn bản văn chương.

Hai là, trong hai công trình trên về kết cấu, có vài chỗ sắp xếp chưa thật hợp lý. Chẳng hạn trong *Việt Nam cổ văn học sử*, tác giả đã cho văn học đời Hồ bắt đầu từ năm 1380 đến 1407, với lời

chú thêm “cầm quyền 1380-1399, làm vua 1400-1407”, mới đọc qua có vẻ có lý, nhưng ngẫm lại, khó có thể chấp nhận. Đành rằng, khi Cung Định vương Trần Phủ cùng với hoàng tộc nhà Trần dẹp xong loạn Dương Nhật Lễ (1369) rồi lên ngôi vua, sau đó, Trần Nghệ Tông (Trần Phủ) tin dùng Hồ Quý Ly, bởi bà phi Minh Từ, mẹ đẻ của Trần Nghệ Tông là cô ruột của Hồ Quý Ly, dù việc tin dùng này, quan Tư đồ Trần Nguyên Đán có khuyên can, nhưng Trần Nghệ Tông không nghe. Xin được điểm lại lịch sử hoạn lộ của Hồ Quý Ly: Từ năm 1370, dưới đời Trần Nghệ Tông (1370-1372), ban đầu Hồ Quý Ly chỉ giữ một chức vụ nhỏ là Chi hậu tứ cục chánh chưởng, năm sau ông được phong tước Trung Tuyên Quốc Thượng hầu và chức Khu mật viện đại sứ. Năm 1375 ông được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Duệ Tông thăng chức Tham mưu quân sự. Năm 1379 ông được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế (lên ngôi sau khi Trần Duệ Tông tử trận) thăng chức Tiểu Tư không kiêm Khu mật viện đại sứ. Năm 1380 ông được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế thăng chức Nguyên nhung, quản việc Hải tây Đô thống chế. Năm 1387 ông được Thượng hoàng Trần Nghệ Tông và vua Trần Phế Đế thăng chức Đồng bình chương sự. Đây là chức vụ tối cao của triều đình, quyền ngang Tể tướng hay Thái sư. Năm 1395, ông được vua Trần Thuận Tông (lên ngôi sau khi Trần Phế Đế bị sát hại) thăng tước Tuyên Trung Vệ Quốc

Đại vương, để sau đó họ Hồ ép vua dời đô từ Thăng Long vào Đại Lại (Thanh Hóa, gọi là Tây Đô, vào năm 1397); rồi ép vua Trần Thuận Tông nhường ngôi cho Thái tử Trần An mới 2 tuổi, tức Trần Thiếu Đế. Năm 1399, họ Hồ giết Trần Thuận Tông, và giết thêm 370 người trong hoàng tộc nhà Trần, rồi tự xưng là Quốc Tổ Chương Hoàng. Năm 1400, Hồ Quý Ly soán ngôi nhà Trần, lập nên nhà Hồ, đổi quốc hiệu là Đại Ngu, đặt niên hiệu là Thánh Nguyên. Như vậy, nếu nói Hồ Quý Ly cầm quyền triều chính, lấn át quyền hành nhà vua thì phải tính từ năm 1387, lúc ông được thăng chức Đồng bình chương sự, nhưng trong công trình, tác giả khẳng định từ 1380 rồi xếp văn học trong 20 năm từ 1380 đến 1399 là văn học đời Hồ thì khó có thể chấp nhận, bởi trong thời gian này, triều đại nhà Trần còn có các vị vua sau: Trần Phế Đế (1377-1388); Trần Thuận Tông (1388-1398), ông vua này là con út của Trần Nghệ Tông và là con rể của Hồ Quý Ly; Trần Thiếu Đế (1398-1400), ông vua này là cháu ngoại của Hồ Quý Ly, lên ngôi khi mới 2 tuổi, để đến năm 1400, Hồ Quý Ly soán ngôi nhà Trần, lập nên nhà Hồ. Việc phân kỳ văn học theo tên triều đại với cái mốc thời gian như giáo sư Nguyễn Đồng Chi đã chia về văn học đời Hồ (1380-1407) thì từ sau 1954 đến nay, các nhà văn học sử trong Nam ngoài Bắc đều không ai phân kỳ như thế. Văn học đời Hồ chỉ nên tính từ năm 1400 cho đến năm 1407, lúc triều đại này bị mất bởi giặc Minh xâm lược.

Trong công trình *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* quyển II, tại đề mục Phần thứ ba. Thời kỳ từ thế kỷ XV trở về trước. A. Loại sử và truyện: mục viết về “Thơ văn ca tụng thiên nhiên và nhân tài” nêu ra hai khuynh hướng: khuynh hướng tiêu cực thoát ly; khuynh hướng lạc quan yêu đời, và xếp ở phần A. *Loại sử truyện* là không hợp lý. Theo tôi mục này nên đưa vào phần B. *Loại thơ văn* thì chặt chẽ và hợp lý hơn.

Cũng trong công trình *Sơ thảo* này, do các tác giả chủ trương khảo cứu theo loại hình ngôn ngữ văn tự, nên ông tách riêng văn học chữ Hán, văn học chữ Nôm. Vì thế, với một tác giả có sáng tác cả hai thứ ngôn ngữ thì sẽ phải khảo ở hai phần/mục khác nhau. Việc này ít nhiều gây trở ngại cho người đọc khi nghiên cứu về tác giả, bởi có sự không liên mạch khi tiếp cận công trình.

Ba là, dù các học giả có nhiều cố gắng và đã có những thành tựu không nhỏ, nhưng tình hình sưu tầm văn bản và thành tựu nghiên cứu về 10 thế kỷ văn học cổ điển lúc bấy giờ (thời điểm từ 1958 trở về trước) có thể nói là chưa đầy đủ, nên trong hai công trình trên của giáo sư, thi thoảng người đọc bắt gặp một vài thông tin chưa chính xác hay nhận định chưa thỏa đáng.

Ví dụ trong *Việt Nam cổ văn học sử* ở trang 178 khẳng định “Thượng sĩ Tuệ Trung là Trần Quốc Tảng (1252-1313), con thứ Hưng Đạo Vương”. Từ đó, ở trang 179, cùng cái mạch ấy, tác giả viết tiếp “Từ Quốc Tảng tiếp đến ba vị

tổ Trúc Lâm...”. Và ở cuối trang 296, công trình viết tiếp: “Cha Quang Triều là Quốc Tảng (1252-1313) có bài ca phóng cuồng” (tức bài *Phóng cuồng ca/Phóng cuồng ngâm* - NCL chú thêm - rồi trích dẫn nguyên tác và dịch thơ với độ dài 2 trang sách). Tại Sài Gòn, trước đó, Trúc Thiên đã từng xuất bản *Thượng sĩ ngữ lục* (giới thiệu, phiên âm, dịch thơ, chú thích) ghi ở bìa tác giả là Trần Quốc Tảng. Tuy nhiên, từ năm 1972, trong công trình *Việt Nam Phật giáo sử luận* tập 1, (Nhà xuất bản Lá Bối, Sài Gòn), Nguyễn Lang, tức Thích Nhất Hạnh) đã phát hiện tư liệu rồi khẳng định Tuệ Trung Thượng sĩ là Trần Tung (Trần Quốc Tung) chứ không phải Trần Quốc Tảng là anh cả của Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn. Sau này giáo sư Nguyễn Huệ Chi một lần nữa khẳng định lại trong một bài nghiên cứu đăng trên *Tạp chí Văn học* số 4 năm 1977: *Trần Tung - một gương mặt lạ trong làng thơ Thiền thời Lý - Trần*. Đây có lẽ là một nhầm lẫn cần phải đính chính!

Trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* quyển II, trang 120, ghi Lê Thánh Tông sinh năm 1440 là không chính xác, mà phải là năm Nhâm Tuất 1442. Việc này *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ thực lục, quyển XI, Kỷ nhà Lê* ghi: “Năm Nhâm Tuất, mùa thu, tháng bảy, ngày 20, hoàng tử Tư Thành sinh”, mà thông tin này bộ chính sử đã ghi 2 lần tại 2 trang khác nhau⁽⁴⁾.

Ở quyển III, mục viết về tiểu thuyết ký sự và tùy bút, trang 188, cho rằng tác

phẩm *Thân chinh kỷ sự* của Lê Thánh Tông, theo tôi là ghi nhầm tên tác phẩm, đúng ra phải là *Chinh tây kỷ hành* (viết năm 1470-1471, lúc đi chinh phạt Chiêm Thành, Lão Qua). Trang 201, công trình ghi chưa rõ năm sinh và mất của Lê Hữu Trác (1721 - ?), thực tế theo *Từ điển văn học* bộ mới (Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên) 2004: 827) và nhiều tài liệu khác thì Lãn Ông Lê Hữu Trác sinh năm 1720 và mất năm 1791, dù trước đây trong nhiều tài liệu thường ghi ông sinh năm 1721.

Ở Quyển IV, mục viết về Phạm Thái, có nhận định chưa thỏa đáng và chưa chính xác về tác phẩm *Sơ kính tân trang*: “Quỳnh Như hay đọc truyện *Phan Trần* và khen truyện này là văn chương kiệt tác. Phạm Thái liền viết *Sơ kính tân trang* và đưa cho Quỳnh Như xem. Quỳnh Như phục tài Phạm và từ đấy hai người yêu nhau” (tr. 189). Thực tế, truyện thơ *Nôm Sơ kính tân trang* được Phạm Thái viết về chuyện tình của mình với Quỳnh Như (mà tác giả ghi tên nhân vật chính là Phạm Kim và Quỳnh Thu). Có thể xem đây là tự truyện, một hiện tượng cá biệt và độc đáo của thể loại truyện thơ Nôm trong văn chương cổ điển Việt Nam. Truyện thơ Nôm này được tác giả viết sau khi Quỳnh Như tự tử. Chính mối tình đầy bi kịch giữa Phạm Thái và Trương Quỳnh Như đã tạo cảm hứng để Phạm Thái viết ba kiệt tác văn chương: *Sơ kính tân trang*, *Văn triêu linh*, *Văn tế Trương Quỳnh Như*. Tiếp theo, ở trang 197, mục *Sơ*

kính tân trang, tác giả viết có khác trước: “*Sơ kính tân trang* là tác phẩm viết năm 1804, khi triều đại Tây Sơn đã đổ, Nguyễn Phúc Ánh đã làm chủ nước Việt Nam, chủ yếu là để thuật lại cuộc tình duyên đau khổ giữa bản thân Phạm Thái và Trương Quỳnh Như”. Theo tôi, nhận định này xác đáng hơn, dễ được chấp nhận hơn, dù nó có mâu thuẫn với ý của chính tác giả viết ở trang 189 như đã dẫn.

Ở quyển V, mục về Cao Bá Quát ở trang 128, công trình không ghi năm sinh của nhà thơ tài hoa và vĩ đại này, cụ thể như sau: “(? -1855)”. Cũng xin lưu ý là trong rất nhiều bài báo và công trình trước đó và sau này đều ghi không nhất quán về năm sinh và mất của Cao Bá Quát (Chu Thần). Cụ thể: Dương Quảng Hàm trong *Việt Nam văn học sử yếu*, 1943, thì ghi: (? -1854); Lê Trí Viễn (chủ biên) trong *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 3, 1962, thì ghi: (? -1855); sau này khi giáo sư viết lại giáo trình *Văn học trung đại Việt Nam*, Trường Đại học Sư phạm TPHCM, 1997, thì ghi (1809-1855); Nguyễn Lộc trong *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, tập 2, 1978, thì cho rằng Cao Bá Quát sinh năm 1808 hay 1809 và mất năm 1854; Huỳnh Lý (chủ biên) trong *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập III*, in lần 2, 1978, thì không ghi năm sinh, còn năm mất thì ghi nước đôi 1855 hoặc 1854; Hoàng Hữu Yên tại chương viết về Cao Bá Quát, in trong: Đặng Thanh Lê (chủ biên) *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*, 1990, thì

chép (1808-1855); Trần Ngọc Vương trong *Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam*, 1999, thì ghi (1809-1854); *Từ điển văn học* (bộ mới), 2004, thì ghi (1808-1855). Theo tôi, căn cứ vào bài *Thiên cư thuyết* được Cao tiên sinh viết vào đầu thu năm Nhâm Thìn (tức năm 1832) có nói *tuổi mới hai kỷ*, mà trước Nhâm Thìn *hai kỷ* là năm Mậu Thìn (tức năm 1808). Như vậy, Cao Bá Quát sinh năm 1808. Còn năm mất của Cao Bá Quát là đầu năm 1855. Cao tiên sinh tử trận trong cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương chống lại triều Nguyễn vào tháng Chạp năm Giáp Dần (năm Giáp Dần theo dương lịch là 1854), mà năm đó tháng Chạp đủ, tức 30 ngày, tính ra dương lịch là từ ngày Chủ nhật 9 tháng 1 đến ngày thứ hai 7 tháng 2 năm 1855 (tương ứng với ngày mùng 1 đến ngày 30 của tháng Chạp âm lịch). Điều đó khẳng định Cao tiên sinh mất trong khoảng thời gian ‘từ 9 tháng 1 đến 7 tháng 2 của năm 1855’. Theo tôi, nên dựa vào thơ văn của Cao Bá Quát và dựa vào chính sử triều Nguyễn để khẳng định rằng Cao Chu Thần sinh năm Mậu Thìn 1808 và tử trận trong cuộc khởi nghĩa Mỹ Lương vào tháng Chạp năm Giáp Dần ứng với dương lịch là tháng 1 hoặc tháng 2 năm 1855, vì thế nên ghi Cao Bá Quát sinh 1808 và mất 1855⁽⁵⁾.

4. KẾT LUẬN

Sở dĩ tôi ít nhiều có niềm đam mê văn học cổ điển, mà đến nay niềm say mê này vẫn chưa hề phai nhạt, là nhờ hai công trình của hai học giả nổi tiếng:

Nguyễn Đồng Chi và Dương Quảng Hàm mà tôi đã may mắn được đọc từ trước năm 1975 ở miền Nam, khi còn là học sinh trung học. Năm 1969, tôi mua được bộ ba công trình của Dương Quảng Hàm: *Việt Nam văn học sử yếu*; *Văn học Việt Nam*; *Việt Nam thi văn hợp tuyển* do Trung tâm Học liệu, Bộ Giáo dục Sài Gòn tái bản, 1968, cùng với công trình *Cuộc tiến hóa văn học Việt Nam* của Kiều Thanh Quế do Hoa Tiên tái bản, 1969. Năm sau, 1970, tôi lại mua được công trình *Việt Nam cổ văn học sử* của Nguyễn Đồng Chi do Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa Sài Gòn tái bản. Nhờ tiếp thu những kiến thức nền tảng rất vững chắc của các công trình vừa nêu, nhất là công trình của Nguyễn Đồng Chi mà trong tôi đã hình thành niềm đam mê, yêu quý vốn văn hóa, tư tưởng, văn học cổ truyền của dân tộc. Rồi từ yêu thích, tôi tiếp tục tìm hiểu những giá trị di sản của các bậc tiền nhân, tìm đọc và nghiên cứu thêm về văn học thời Lý - Trần qua hai công trình giới thiệu và dịch thuật của Ngô Tất Tố về *Văn học đời Lý* và *Văn học đời Trần*. Những gì tôi đã viết về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X ở một mục trong chuyên khảo và trên tạp chí⁽⁶⁾ là nhờ mấy trang gợi mở “Văn học từ đời phát đoan” trong công trình của giáo sư Nguyễn Đồng Chi; bài viết và công trình của giáo sư Trần Nghĩa trên *Tạp chí Văn học* (1975) và trong một khảo luận năm 2000⁽⁷⁾ về văn học thời kỳ khai mào này; những công trình nghiên cứu trước đó của học giả Lê

Mạnh Thát. Xin được nói thêm, về văn học 10 thế kỷ đầu tiên trước khi nước nhà giành lại độc lập này, trên cơ sở có hơn 10 năm giảng dạy văn học thời kỳ này ở Học viện Phật giáo, nên từ năm 2012, tôi đã cố gắng viết xong một chuyên khảo với khoảng 300 trang vi tính khổ A4: *Văn học Việt Nam từ khởi thủy đến khi nước nhà giành lại độc lập tự chủ*”, đang được bổ sung thêm một số tư liệu cần thiết, hy vọng sẽ ra mắt trong thời gian sắp tới; hoặc ba công trình viết về văn học thời Lý - Trần với trên 1.200 trang sách: *Bản sắc dân tộc trong văn học Thiền tông thời Lý - Trần* viết xong 1982, xuất bản 1997; *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần* viết xong 1998, xuất bản 2002, tái bản 2004, 2016; *Văn học thời Lý - Trần: những vấn đề về cảm hứng, thể loại, tác gia tiêu biểu*, viết xong tháng 10/2013, Nhà xuất bản Đại học Quốc gia TP HCM sắp xuất bản, cùng khoảng 50 bài nghiên cứu về giai đoạn này đăng rải

rác trên các tạp chí từ 1995 đến nay, là nhờ kết quả học tập và nghiên cứu từ những công trình vừa nêu, trong đó, đáng kể nhất vẫn là công trình *Việt Nam cổ văn học sử* của giáo sư Nguyễn Đồng Chi.

Tỏ bày vài ba điều như trên để xác tín rằng, với riêng tôi, công trình *Việt Nam cổ văn học sử* và những nghiên cứu về văn học cổ điển Việt Nam của giáo sư Nguyễn Đồng Chi trong *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam* dù có vài chỗ cần bổ chính, nhưng trước sau, đây vẫn là những công trình khoa học nghiêm túc, có giá trị cao, dù chúng đã được giáo sư viết cách đây trên 70 năm và trên 50 năm. Những tri thức mà hai công trình trên đã đem lại cho tôi nói riêng và có lẽ cho nhiều người đọc nói chung là những tri thức nền tảng rất chắc chắn, rất căn cơ về văn học dân tộc, từ đó gợi mở nhiều vấn đề thú vị, để người sau kế thừa và tiếp bước. □

GHI CHÚ

Nghiên cứu này là một phần kết quả của đề tài *Văn học Việt Nam thế kỷ XV-XVII: những vấn đề về nội dung, cảm hứng, thể loại và tác gia tiêu biểu*, mã số C2015-18b-06, được tài trợ bởi Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (VNU-HCM).

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Cùng thời, trước và sau công trình của Nguyễn Đồng Chi một hai năm, còn có công trình *Việt Nam văn học sử yếu* của Dương Quảng Hàm, do Nha Học chính Đông Pháp xuất bản lần đầu năm 1943. Công trình văn học sử này viết về lịch sử văn học Việt Nam với hai bộ phận: văn học bình dân và văn học viết, bên cạnh có mục viết về ảnh hưởng của nước Tàu; các chế độ về việc học, việc thi; các thể văn; ảnh hưởng của nước Pháp; vấn đề ngôn ngữ văn tự. Riêng về văn học viết, công trình của Dương Quảng Hàm giới thiệu văn học Việt Nam thời kỳ Lý - Trần (thế kỷ XI đến thế kỷ XIV); thời kỳ Lê, Mạc (thế kỷ XV và XVI); thời kỳ Nam Bắc phân tranh (thế kỷ XVII và XVIII); thời kỳ cận kim (Nguyễn triều, thế kỷ XIX) cho

đến nền Quốc văn mới đầu thế kỷ XX, kết thúc với Thơ mới và Tự lực văn đoàn. Được biết công trình này ông Dương Quảng Hàm biên soạn xong năm 1941. Trước đó, ông từng cho xuất bản một số công trình mang tính giáo khoa để giảng dạy môn Văn học Việt Nam tại các trường trung học Pháp - Việt như *Quốc văn trích điểm*, *Văn học Việt Nam*, *Việt Nam thi văn hợp tuyển*.

⁽²⁾ Tôi khẳng định điều này là bởi, nếu đọc giả để ý kỹ thì thi thoảng sẽ bắt gặp thông tin này trong các chú thích cuối trang của công trình, chẳng hạn, chú thích số 1, trang 71 có ghi: “Thư của Triệu Vũ Đế gởi cho Hán Văn Đế có đoạn nói về việc giao dịch này – xem Triệu Vũ Đế ở *Việt Nam cổ văn học sử* quyển II”. Dẫn chứng khác: chú thích số 2, trang 121 có ghi: “Xem Giác Hải ở *Việt Nam cổ văn học sử* quyển II”. Thêm dẫn chứng nữa: trang 192, viết về giáo dục thi cử, đoạn nói về văn sách thi đạo Lão, ở chú thích số 3 có ghi: “Trích sách *Hán tự văn học khảo*. Xem thêm ở chương *Thơ văn vô danh*, *Việt Nam cổ văn học sử*, quyển thứ III” (tr. 192). Sau này, nhà nghiên cứu Nguyễn Chung Anh là người sống cùng thời, lúc trai trẻ cùng hoạt động với Nguyễn Đồng Chi, trong bài viết *Nguyễn Đồng Chi nhà văn - nhà khoa học* có cho biết nội dung quyển III là nghiên cứu về các tác gia văn học tiêu biểu của các triều đại Lý, Trần, Hồ. Gần đây, PGS.TS. Trần Hữu Tá lại cho biết thêm, quyển III gồm 4 mục: Chép các sách trước tác; Thơ văn vô danh; Thơ văn hoài nghi; Chú thích điển tích địa danh. Chúng tôi xin cảm ơn PGS.TS. Trần Hữu Tá đã cung cấp thêm thông tin về quyển III này.

⁽³⁾ Trên cơ sở những gợi mở của giáo sư Nguyễn Đồng Chi trong *Việt Nam cổ văn học sử*, chúng tôi tiếp tục tìm tư liệu bổ sung để viết hai bài về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X đăng trên *Tạp chí Văn học* số 10/1997 và *Tạp chí Hán Nôm* số 4/1999.

⁽⁴⁾ *Đại Việt sử ký toàn thư, Bản kỷ thực lục, quyển XI, Kỷ nhà Lê*, bản dịch, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1972, tập III, tại trang 130 và 173 đều ghi thông tin này. Tính theo dương lịch, hoàng tử Tư Thành tức vua Lê Thánh Tông sinh ngày 24/8/1442 (NCL chú thêm).

⁽⁵⁾ Xin xem thêm: Nguyễn Công Lý, “Về bài ‘Thi Tiên trong thơ Thánh Quát’”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 6/2008.

⁽⁶⁾ Xin xem Nguyễn Công Lý:

- Mục “Văn học Phật giáo ở Giao Châu” trong chương 2 của công trình *Văn học Phật giáo thời Lý - Trần: diện mạo và đặc điểm*. Nxb. Đại học Quốc gia TP HCM, 2002, tái bản 2004, 2016.

- Bài “Mấy nét về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X và về bài thơ chữ Hán của người Việt viết vào thế kỷ thứ VII”. *Tạp chí Văn học*, số 10/1997.

- Bài “Góp phần tìm hiểu diện mạo văn học Phật giáo Việt Nam trước thế kỷ thứ X”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 4/1999.

⁽⁷⁾ Trần Nghĩa, “Một số tác phẩm mới phát hiện có liên quan tới giọng văn học viết của người Việt thời Bắc thuộc”, *Tạp chí Văn học*, số 4/1975, tr. 84-99. Và: Trần Nghĩa, *Sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán của người Việt Nam trước thế kỷ thứ X*. Nxb. Thế giới, Hà Nội, 2000.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dương Quảng Hàm. *Việt Nam văn học sử yếu*, Nha Học chính Đông Pháp xuất bản lần đầu năm 1943, Trung tâm Học liệu - Bộ Giáo dục Sài Gòn (tái bản), 1968.

2. Đặng Thanh Lê, Hoàng Hữu Yên, Phạm Luận. 1990. *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII - nửa đầu thế kỷ XIX*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
3. Đỗ Đức Hiểu, Nguyễn Huệ Chi, Phùng Văn Tửu, Trần Hữu Tá (chủ biên). 2004. *Từ điển văn học* bộ mới. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
4. Huỳnh Lý (chủ biên). 1978. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam tập III*. Hà Nội: Nxb. Văn học (in lần 2).
5. Lê Thuộc, Hoàng Ngọc Phách, Vũ Đình Liên, Đỗ Đức Hiểu, Huỳnh Lý, Lê Trí Viễn. 1957-1958. *Lược thảo lịch sử văn học Việt Nam*, 3 quyển. Hà Nội: Nxb. Xây dựng.
6. Lê Trí Viễn (chủ biên). 1962. *Lịch sử văn học Việt Nam*, tập 3. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
7. Lê Trí Viễn (chủ biên). 1997. *Văn học trung đại Việt Nam*. TPHCM: Trường Đại học Sư phạm TPHCM (lưu hành nội bộ).
8. Mai Quốc Liên (chủ biên). 2007. *Cao Bá Quát toàn tập*. TPHCM: Nxb. Văn học.
9. Nguyễn Chung Anh. 2003. “Nguyễn Đồng Chi nhà văn - nhà khoa học”, In trong: Nguyễn Đức Tồn (chủ biên), *Những cuộc đời những trang thơ – Kỷ niệm 50 năm thành lập Trung tâm Khoa học Xã hội và Nhân văn Quốc gia (1953-2003)*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
10. Nguyễn Công Lý. 1997. “Mấy nét về văn học Việt Nam trước thế kỷ thứ X và về bài thơ chữ Hán của người Việt viết vào thế kỷ thứ VII”. *Tạp chí Văn học*, số 10/1997.
11. Nguyễn Công Lý. 1999. “Góp phần tìm hiểu diện mạo văn học Phật giáo Việt Nam trước thế kỷ thứ X”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 4/1999.
12. Nguyễn Công Lý. 2002. *Văn học Phật giáo thời Lý – Trần: diện mạo và đặc điểm*. TPHCM: Nxb. Đại học quốc gia TPHCM (tái bản 2004, 2016).
13. Nguyễn Công Lý. 2008. “Về bài ‘Thi Tiên trong thơ Thánh Quát’”. *Tạp chí Hán Nôm*, số 6/2008.
14. Nguyễn Đăng Na. 1996. “Về phương pháp viết văn học sử của Giáo sư Nguyễn Đồng Chi”. *Tạp chí Văn học*, số 3.
15. Nguyễn Đồng Chi. 1970. *Việt Nam cổ văn học sử*. Sài Gòn: Phủ Quốc vụ khanh đặc trách Văn hóa (tái bản).
16. Nguyễn Huệ Chi. 1977. “Trần Tung - một gương mặt lạ trong làng thơ Thiền thời Lý - Trần”. *Tạp chí Văn học* số 4/1977.
17. Nguyễn Lang. 1972. *Việt Nam Phật giáo sử luận*, tập 1. Sài Gòn: Nxb. Lá Bối.
18. Nguyễn Lộc. 1978. *Văn học Việt Nam nửa cuối thế kỷ XVIII – nửa đầu thế kỷ XIX*, tập 2. Hà Nội: Nxb. Đại học và Trung học chuyên nghiệp.
19. Trần Nghĩa. 1975. “Một số tác phẩm mới phát hiện có liên quan tới giòng văn học viết của người Việt thời Bắc thuộc”. *Tạp chí Văn học*, số 4/1975.
20. Trần Nghĩa. 2000. *Sưu tầm và khảo luận tác phẩm chữ Hán của người Việt Nam trước thế kỷ thứ X*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
21. Trần Ngọc Vương. 1999. *Nhà Nho tài tử và văn học Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Giáo dục.
22. Văn Tân, Hoài Thanh, Nguyễn Đồng Chi. 1958. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển IV, Thế kỷ thứ XVIII. Hà Nội: Nxb. Văn Sử Địa.

23. Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi, Vũ Ngọc Phan. 1957. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển I, Phần Ngữ ngôn văn tự và văn học truyền miệng. Hà Nội: Nxb. Văn Sử Địa.
24. Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi. 1958. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển II, Từ thế kỷ X đến hết thế kỷ XVII. Hà Nội: Nxb. Văn Sử Địa.
25. Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Nguyễn Đồng Chi. 1958. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển III, Thế kỷ thứ XVIII. Hà Nội: Nxb. Văn Sử Địa.
26. Văn Tân, Nguyễn Hồng Phong, Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đồng Chi. 1960. *Sơ thảo lịch sử văn học Việt Nam*, quyển V, Giai đoạn nửa đầu thế kỷ XIX. Hà Nội: Nxb. Sử học.